

Số: 1600/QĐ-UBND

Than Uyên, ngày 28 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, GPMB để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng thực hiện dự án: Xây dựng khu dân cư nông thôn mới (Tạo quỹ đất ở để đấu giá quyền sử dụng đất dọc ven đường QL32) xã Mường Than, huyện Than Uyên

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về việc thi hành Luật Đất đai; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 01/2017/NĐ-CP ngày 6/1/2017 về sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành đơn giá bồi thường về nhà, công trình xây dựng trên đất, cây trồng, vật nuôi và các tài sản khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 77/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ủy quyền cho UBND các huyện, thành phố thực hiện thông báo thu hồi đất; quyết định thu hồi đất; phê duyệt và thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Khoản 3, Điều 66, Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Than Uyên;



Căn cứ Quyết định số 2254^a/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND huyện Than Uyên về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Xây dựng khu dân cư nông thôn mới (Tạo quỹ đất ở để đấu giá quyền sử dụng đất dọc ven đường QL 32) xã Mường Than, huyện Than Uyên;

Căn cứ Quyết định số 2871/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND huyện Than Uyên về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Xây dựng khu dân cư nông thôn mới (Tạo quỹ đất ở để đấu giá quyền sử dụng đất dọc ven đường QL 32) xã Mường Than, huyện Than Uyên;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/05/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 05/6/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư GPMB để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng thực hiện dự án: Xây dựng khu dân cư nông thôn mới (Tạo quỹ đất ở để đấu giá quyền sử dụng đất dọc ven đường QL32) xã Mường Than, huyện Than Uyên;

Căn cứ Thông báo số 957/TB-UBND ngày 08/6/2020; số 994^a/TB-UBND ngày 11/6/2020 của UBND huyện về Thông báo thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng thực hiện dự án: Xây dựng khu dân cư nông thôn mới (Tạo quỹ đất ở để đấu giá quyền sử dụng đất dọc ven đường QL32) xã Mường Than, huyện Than Uyên;

Căn cứ Quyết định số 715/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất cho 12 dự án trên địa bàn huyện Than Uyên;

Căn cứ Quyết định số 1599/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của UBND huyện Than Uyên về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng thực hiện dự án: Xây dựng khu dân cư nông thôn mới (Tạo quỹ đất ở để đấu giá quyền sử dụng đất dọc ven đường QL32) xã Mường Than, huyện Than Uyên;

Căn cứ Báo cáo số 192/BC-TCKH ngày 28/8/2020 của Phòng Tài chính - Kế hoạch; số 17/BC-PNN ngày 25/8/2020 của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng thực hiện dự án: Xây dựng khu dân cư nông thôn mới (Tạo quỹ đất ở để đấu giá quyền sử dụng đất dọc ven đường QL32) xã Mường Than, huyện Than Uyên;

Xét Tờ trình số 223^a/TTr-TTPTQĐ ngày 24/8/2020 của Trung tâm phát triển quỹ đất về việc đề nghị phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, GPMB để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng thực hiện dự án: Xây dựng khu dân cư nông thôn mới (Tạo quỹ đất ở để đấu giá quyền sử dụng đất dọc ven đường QL32) xã Mường Than, huyện Than Uyên;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 62^b/TTr-TNMT ngày 26/8/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, GPMB để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng thực hiện dự án: Xây dựng khu dân cư nông thôn mới (Tạo quỹ đất ở để đấu giá quyền sử dụng đất dọc ven đường QL32) xã Mường Than, huyện Than Uyên, cụ thể như sau:

1. Tổng kinh phí phê duyệt: 688.647.500 đồng
(Bằng chữ: Sáu trăm tám mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng)

Trong đó:

- | | |
|-------------------------------------|------------------|
| - Bồi thường về đất: | 102.800.000 đồng |
| - Bồi thường về cây trồng vật nuôi: | 13.108.700 đồng |
| - Chính sách hỗ trợ: | 572.738.800 đồng |

(Có bảng tổng hợp phương án chi tiết kèm theo)

2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

- Nguồn kinh phí: Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất.
- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 24 Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Than Uyên; Chủ tịch UBND xã Mường Than; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình, cá nhân có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND huyện (b/c);
- Thanh tra huyện;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu: VT, TNMT.

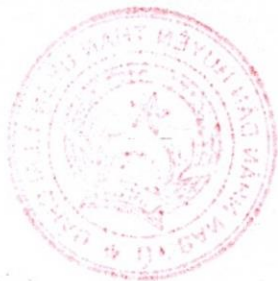
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Lò Văn Hương





**BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB DỰ ÁN:
XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN MỚI (TẠO QUỸ ĐẤT Ở ĐỂ ĐÁU GIÁ
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Dọc VEN ĐƯỜNG QL 32) XÃ MƯỜNG THAN HUYỆN THAN**
(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của UBND huyện Than Uyên)

Đơn vị tính: Đồng

| STT | Họ và Tên | Hộ khẩu thường trú | Giá trị bồi thường | | | Tổng |
|------------------|-------------------|--------------------|--------------------|---------------------|--------------------|--------------------|
| | | | Đất | Cây trồng, vật nuôi | Hỗ trợ | |
| 1 | Phạm Văn Công | Cắm Trung 2 | 5.580.000 | 711.450 | 29.574.000 | 35.865.450 |
| 2 | Lê Văn Chất | Cắm Trung 2 | 11.644.000 | 1.484.950 | 61.713.200 | 74.842.150 |
| 3 | Ngô Văn Lưu | Cắm Trung 2 | 33.184.000 | 4.231.300 | 181.364.000 | 218.779.300 |
| 4 | Phạm Văn Chinh | Cắm Trung 2 | 4.652.000 | 593.300 | 24.655.600 | 29.900.900 |
| 5 | Đình Thị Bảy | Cắm Trung 2 | 3.364.000 | 429.250 | 17.829.200 | 21.622.450 |
| 6 | Phạm Văn Giáo | Cắm Trung 2 | 2.436.000 | 310.250 | 12.910.800 | 15.657.050 |
| 7 | Tô Thị Sửu | Cắm Trung 2 | 4.872.000 | 621.350 | 25.821.600 | 31.314.950 |
| 8 | Hoàng Văn Thắng | Cắm Trung 2 | 11.100.000 | 1.415.250 | 81.240.000 | 93.755.250 |
| 9 | Phạm Văn Ba | Cắm Trung 2 | 10.920.000 | 1.392.300 | 57.876.000 | 70.188.300 |
| 10 | Phạm Trường Giang | Cắm Trung 2 | 5.124.000 | 653.650 | 27.157.200 | 32.934.850 |
| 11 | Vũ Thị Ngu | Cắm Trung 2 | 908.000 | 115.600 | 4.812.400 | 5.836.000 |
| 12 | Lê Văn Niên | Cắm Trung 2 | 1.212.000 | 154.700 | 6.423.600 | 7.790.300 |
| 13 | Lò Văn Chứa | Bản Ngà | 204.000 | 26.350 | 1.081.200 | 1.311.550 |
| 14 | Lò Văn Xương | Cắm Trung 2 | 7.600.000 | 969.000 | 40.280.000 | 48.849.000 |
| Tổng cộng | | | 102.800.000 | 13.108.700 | 572.738.800 | 688.647.500 |